

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HHG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HHG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HHG INTERNATIONAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110566937

3. Ngày thành lập: 11/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất T91-CN1(5) Cụm sản xuất làng nghề tập trung, Xã Kiêu Ky, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978559666

Fax:

Email: hhginternational.jsc@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý thương mại; Môi giới thương mại (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự (Trừ hoạt động đấu giá)	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4659
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ hoạt động đầu giá)	4663(Chính)
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
11.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
13.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	6820
14.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính)	7020
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
16.	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Phát hành quảng cáo; Tiếp nhận quảng cáo	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất.	7410
19.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
21.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
22.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
23.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
24.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
25.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
26.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399

27.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng)	2420
28.	Đúc kim loại màu	2432
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
31.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
32.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
36.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
37.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
38.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
39.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
40.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
41.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
42.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
43.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
45.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
46.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
47.	Sản xuất máy luyện kim	2823
48.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
49.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
50.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
51.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
52.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
53.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, tem, tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
55.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	7730
61.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua; Hoạt động hướng dẫn du lịch; Dịch vụ du lịch khác như: Dịch vụ ăn uống, dịch vụ mua sắm, dịch vụ thể thao, dịch vụ vui chơi, giải trí, dịch vụ chăm sóc sức khỏe	7912
62.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
63.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
64.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Xây dựng nhà không để ở	4102
70.	Xây dựng công trình điện	4221
71.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
72.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
73.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
74.	Xây dựng công trình thủy	4291
75.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
76.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
77.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
78.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
79.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4752
82.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4753

83.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4759
-----	---	------

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG TÙNG	Số 105 Phố Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	031077011081	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000		

2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Số 07/103 Phố Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	0310730083 07
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000	
3	NGUYỄN VĂN GIANG	Số 14B/369 Đường Văn Cao, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	0310850089 31
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000	
4	LÊ XUÂN HÙNG	Số 21/103 Phố Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0310750023 95
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

